

Bản án số: 18/2018/DS-ST

Ngày: 08/02/2018

V/v: “*Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Hùng.

2. Ông Nguyễn Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2017/TLST-DS ngày 16/11/2017 về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-DS ngày 23/01/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông **Trần Văn K**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 22, ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* ông **Phan Đức P**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 20/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày: Vào năm 2013, ông Phan Đức P đã nhiều lần đến cửa hàng xăng dầu của tôi mua dầu để phục vụ nông nghiệp. Ông P mua dầu của tôi với hình thức trả một phần và nợ một phần. Do ông P nợ tiền dầu nên tôi đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ, nhưng ông P cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Đến ngày 29/11/2013, ông P có làm biên nhận nợ tôi số tiền 82.210.000 đồng và hẹn đến ngày 10/12/2013 sẽ trả đủ số tiền này. Tuy nhiên, đến hẹn ông P chỉ trả được 2.210.000 đồng. Sau đó, ông Phan Đức P có làm giấy thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho tôi vào ngày 20/10/2014. Theo đó, ông P thế chấp cho tôi bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04107 QSDĐ/kH, diện tích 382.80m², tờ bản đồ số 15, 15; thửa số 30, 34, loại đất thổ cư do UBND huyện T cấp cho ông Phan Đức P và bà Lê Thanh H ngày 19/12/2003.

Trước đây, tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu ông P trả cho tôi số tiền vốn 80.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 20/5/2014 đến khi xét xử. Nay tôi xác định lại, tôi chỉ yêu cầu ông P trả cho tôi số tiền vốn 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau khi ông P thực hiện xong việc trả nợ cho tôi thì tôi sẽ trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04107 QSDĐ/kH, diện tích 382.80m², tờ bản đồ số 15, 15; thửa số 30, 34, loại đất thổ cư do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Phan Đức P và bà Lê Thanh H ngày 19/12/2003.

Về phía bị đơn ông Phan Đức P: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P, nhưng ông đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Đức P có địa chỉ tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông P đều vắng mặt, không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về nội dung: Ông Trần Văn K khởi kiện yêu cầu ông Phan Đức P có nghĩa trả cho ông K số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Biên nhận nợ tiền dầu ngày 29/11/2013, có nội dung: *“Tôi tên Phan Đức P, sinh năm 1973. Ngụ ấp T, xã V, T, An Giang. Tôi có mua nợ số tiền dầu của anh K - CN Cty 7, số tiền 82.210.000 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm mười ngàn). Hẹn đến ngày 10/12/2013 tôi trả đủ, ...”*. Theo ông K, khi đến hẹn ông P có trả được tiền vốn là 2.210.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng mua bán dầu giữa ông Trần Văn K với ông Phan Đức P được giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Phan Đức P để tham gia hòa giải và đối chiếu nợ, nhưng ông P đều vắng mặt và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông K đối với số nợ 80.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên buộc ông Phan Đức P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn K số tiền 80.000.000 đồng.

[4] Quá trình mua bán dầu, ông P có giao cho ông K giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04107 QSDĐ/kH, diện tích 382.80m² do Ủy ban nhân dân

huyện T cấp ngày 19/12/2003 mang tên Phan Đức P và Lê Thanh H để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Xét thấy, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông K với ông P không được lập thành văn bản và không bảo đảm quy định về thế chấp quyền sử dụng đất nên không có giá trị pháp lý. Do đó, cần buộc ông Trần Văn K có nghĩa vụ giao trả cho ông Phan Đức P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Về lãi suất, tại đơn khởi kiện ông K yêu cầu ông P phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông K chỉ yêu cầu trả vốn, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét về lãi suất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Phan Đức P bị buộc trả số tiền nêu trên, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông K không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K.

Buộc ông Phan Đức P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn K số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Buộc ông Trần Văn K giao trả cho ông Phan Đức P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04107 QSDĐ/kH, diện tích 382.80m² do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/12/2003 mang tên Phan Đức P và Lê Thanh H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Đức P chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn K không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000767, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hân Em